



Chương 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**CHUNG SỨC ĐỒNG LÒNG
CHINH PHỤC THỬ THÁCH**

30	Bối cảnh thị trường phân bón – hóa chất năm 2023
32	Chuỗi giá trị PVFCCo – Kết quả hoạt động 2023
34	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
38	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
40	Tình hình tài chính của Tổng công ty
41	Báo cáo, đánh giá của Ban Tổng giám đốc

BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN – HÓA CHẤT NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Thị trường phân bón trong nước năm 2023 chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi:



Thị trường phân bón thế giới trong năm 2023 tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động địa chính trị và chính sách hạn chế xuất khẩu của một số quốc gia kéo theo sự đảo chiều giá bán các loại phân bón sụt giảm nhanh chóng so với nền đỉnh cao của năm 2022. Từ đầu năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh và phức tạp, ảnh hưởng đến toàn cầu. Xung đột Nga - Ukraina và mới đây là xung đột Israel - Hamas với nhiều cảnh báo cuộc chiến có thể mở rộng sang các khu vực khác ở Trung Đông. Đây cũng là khu vực sản xuất phân bón urê, Kali, NH₃, DAP lớn trên thế giới. Sau mức tăng cao kỷ lục trong năm 2022, từ quý 4/2023 giá các loại phân bón bắt đầu đảo chiều giảm mạnh, thiết lập mặt bằng giá ngày càng thấp trên toàn thế giới. Số liệu theo dõi cho thấy giá bán urê thế giới trong năm 2023 đã giảm khoảng 64% từ đỉnh cao tháng 4/2022 và giá Kali cũng giảm mạnh 67%.



Thứ nhất là áp lực cạnh tranh gia tăng từ các nguồn hàng nhập khẩu: Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn khi tham gia ký kết hầu hết các Hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh quy mô còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế.



Thứ hai, chính sách thuế đối với phân bón có nhiều bất cập chưa được giải quyết. Thuế xuất khẩu 5% làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.



Thứ ba, tồn kho tăng cao, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nội địa ngày càng khốc liệt: Đầu năm 2023 việc xử lý hàng tồn trong hệ thống tạo ra tâm lý bán tháo, bán phá giá, đặc biệt với sản phẩm NPK. Bên cạnh đó là sự xuất hiện và gia tăng nhiều về lượng của một số mặt hàng thay thế (hàm lượng thấp, kém hoặc hàng giả...) như: N21-25% thay thế urê, amon thay thế kali.



Thứ tư, chi phí nguyên liệu sản xuất tăng cao (đặc biệt là giá khí cho sản xuất phân đạm): Đối với PVFCCo, giá khí cho sản xuất urê Phú Mỹ trong năm 2023 tăng 18% so với năm 2022 (giá khí có VAT 10,51/8,88 USD/MMBTU). Giá khí nguyên liệu tăng dẫn đến phát sinh tăng thêm chi phí sản xuất cả năm khoảng trên 1.000 tỷ đồng so với 2022.

Tựu chung lại, trong bối cảnh như vậy kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phân bón trên thị trường đều sụt giảm mạnh so với cùng kỳ.

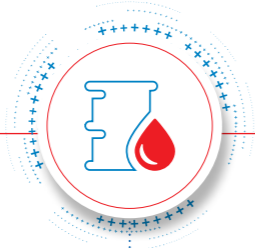
CHUỖI GIÁ TRỊ PVFCCo – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023



NGUỒN NHÂN LỰC

1.545

người



SẢN XUẤT

936

nghìn tấn phân bón
(urê, NPK)



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI/ KHO CẢNG

04

công ty phân phối
tại các vùng miền



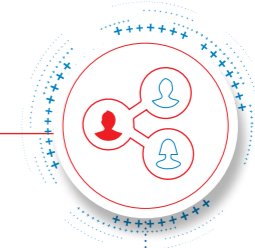
NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cung cấp **1,3** triệu tấn phân bón

118 nghìn tấn

hóa chất các loại ra thị trường

Giải ngân trên **60** tỷ đồng
cho các chương trình an sinh xã hội



CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU

Chương trình Tết trao tặng

13.000

phần quà cho các gia đình khó khăn

tại hơn **40** tỉnh thành trên cả nước

QUY MÔ DOANH THU

14.038

tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, KHẤU HAO, LÃI VAY

1.142

tỷ đồng

trên **110**

nghìn tấn hóa chất
(NH₃ thương mại, UFC85,
hóa chất dầu khí)

68
đại lý cấp 1
4.407

đại lý cấp 2

97
kho trung chuyển sức chứa

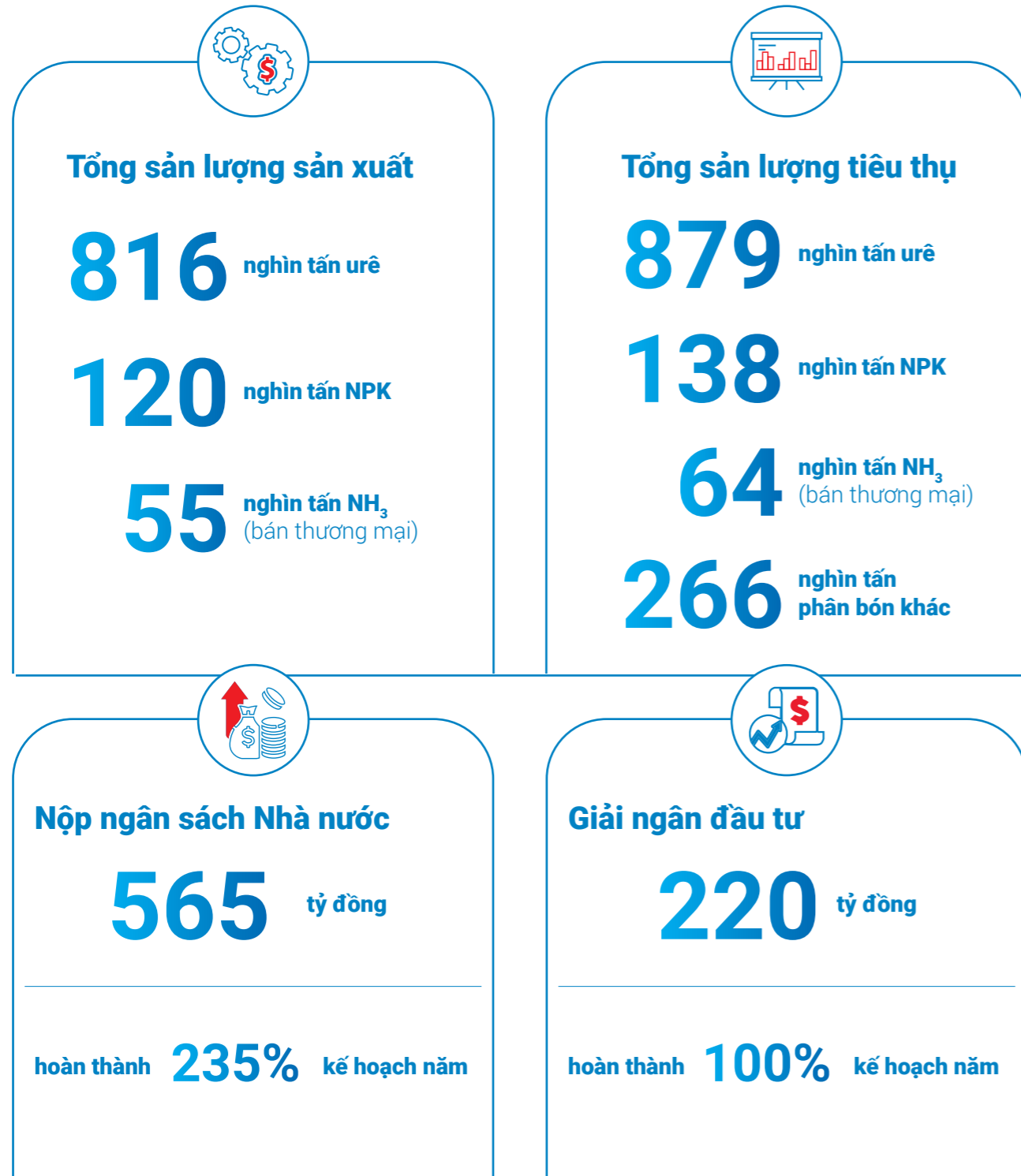
250

nghìn tấn

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG YẾU TỐ, CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Trong bối cảnh năm 2023, PVFCCo tiếp tục phát huy một số yếu tố thuận lợi như về uy tín của thương hiệu phân bón Phú Mỹ và độ bao phủ địa bàn của Hệ thống phân phối, hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ duy trì ổn định ở công suất cao với nguồn khí đầu vào được đáp ứng đủ, tình hình tài chính lành mạnh đáp ứng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh, đạt một số chỉ tiêu nổi bật:



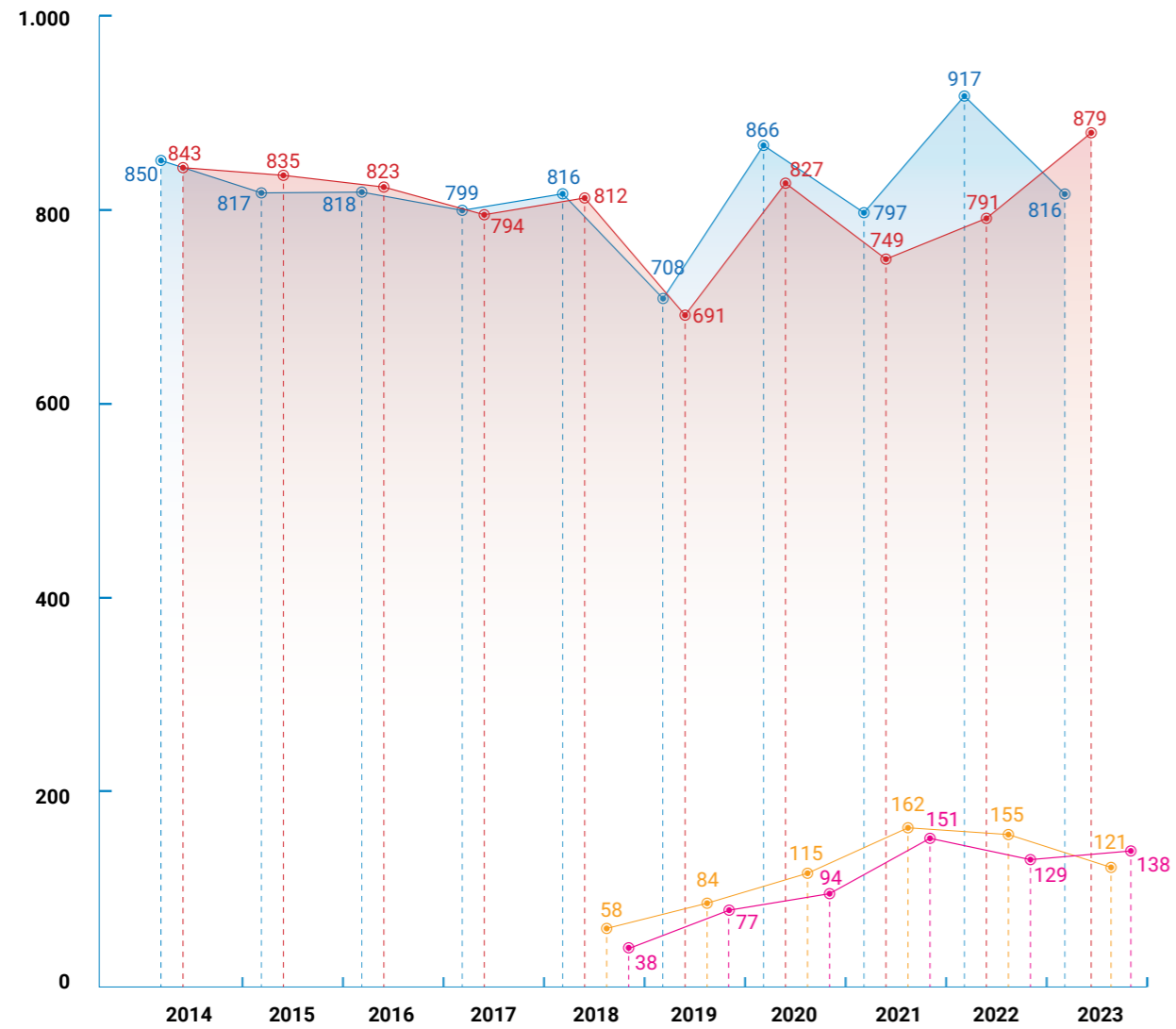
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023 (đ/c)	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ so với năm 2022 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
I Sản lượng sản xuất							
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	917	785	816	89%	104%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	13,2	12,0	12,2	92%	102%
1.3	NPK	Nghìn tấn	155	121	120	77%	100%
1.4	Đạm Kebo	Nghìn tấn	4,5	6,9	7,0	155%	101%
1.5	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	74	55	55	73%	100%
II Sản lượng kinh doanh							
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	791	830	879	111%	106%
2.2	NPK	Nghìn tấn	129	130	138	107%	106%
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	2,6	7,0	7,9	299%	113%
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	209	240	266	127%	111%
2.5	UFC 85	Nghìn tấn	9,5	8,5	9,1	95%	107%
2.6	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	71	62	64	89%	102%
2.7	CO ₂	Nghìn tấn	54	39	44	82%	111%
2.8	Hóa chất	Nghìn tấn	1,03	0,67	1,54	149%	231%
III Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)							
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	19.013	13.067	14.038	74%	107%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.606	610	691	10%	113%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.585	463	530	9%	114%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	1.614	240	565	35%	235%
IV Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ							
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	13.779	10.149	11.374	83%	112%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16.924	11.652	12.093	71%	104%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.507	635	709	11%	112%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.511	495	569	10%	115%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	141%	13%	15%	10%	115%
4.7	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	1.551	205	503	32%	245%
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Đầu tư XD/CB	Tỷ đồng	74,70	102,9	102,45	137%	100%
	▸ Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	43,44	117,7	117,29	270%	100%
	▸ Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng					
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	118,14	220,6	219,74	186%	100%
	▸ Vốn vay và khác	Tỷ đồng					

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

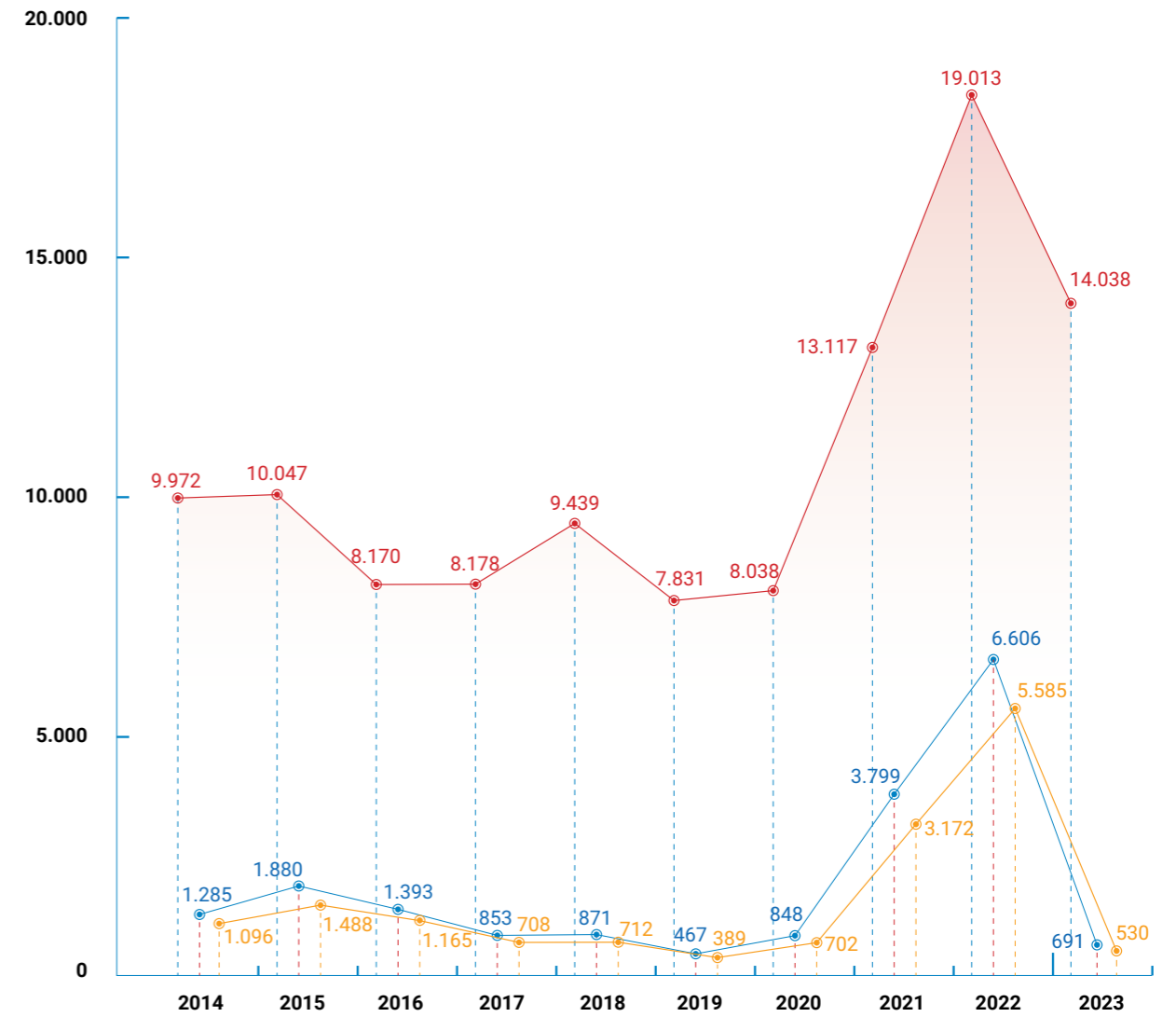
Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Tổng công ty giai đoạn 2014-2023

Chỉ tiêu về sản lượng (nghìn tấn)



- Urê SX
- Urê tiêu thụ
- NPK SX
- NPK tiêu thụ

Chỉ tiêu về tài chính hợp nhất (tỷ đồng)



- Doanh thu
- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận sau thuế

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO KẾ HOẠCH NĂM 2023



- ▶ **Tổ hợp Dự án Nâng công suất phân xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học:** Tổng công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán dự án, hoàn thành công tác thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán vốn.
- ▶ **Dự án Nhà máy sản xuất Oxy già (H₂O₂):** Đã hoàn thành dự án Báo cáo cơ hội đầu tư (FS) và trình các bên thẩm định FS đồng thời thuê tư vấn thẩm tra FS, trình các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.
- ▶ **Dự án thu hồi Offgas:** Đã hoàn thành và thông qua Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án Melamine:** Đã hoàn thành Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án DEF/Adblue:** Tiếp tục hoàn thiện Báo cáo cơ hội đầu tư.
- ▶ **Dự án Soda Ash:** Hoàn thành Báo cáo cơ hội đầu tư, kết quả dự án không hiệu quả và HĐQT quyết định dừng triển khai nghiên cứu đầu tư.
- ▶ **Dự án Kho chứa bao thành phẩm 20 nghìn tấn tại Nhà máy đạm Phú Mỹ:** Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 21/6/2023, đang hoàn thiện quyết toán vốn dự án hoàn thành.
- ▶ Các dự án đầu tư, mua sắm khác đang triển khai theo kế hoạch.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ, MUA SẴM TRONG NĂM 2023



Theo kế hoạch năm 2023 kế hoạch đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 220,58 tỷ đồng. PVFCCo đã thực hiện giải ngân được 219,74 tỷ đồng đạt gần 100% kế hoạch năm theo tiến độ thực tế, tăng 84% so với năm 2022.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế (tỷ đồng)	VĐL (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/VĐL	Cổ tức nhận trong năm 2023 (tỷ đồng)
I	Đầu tư vào Công ty con		386,25	515,00	41,39		44,78
1	PVFCCo North	75,00%	90,00	120,00	6,32	5,27%	10,8
2	PVFCCo Central	75,00%	75,00	100,00	20,94	20,94%	22,5
3	PVFCCo SE	75,00%	93,75	125,00	12,07	9,66%	
4	PVFCCo SW	75,00%	127,50	170,00	2,06	1,21%	11,48
II	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		680,90	2.487,80	849,48		2,18
1	VNPOLY	25,99%	562,70	2.165,11	850,41	39,28%	
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	-8,16	-2,91%	-
3	PVFCCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	7,23	17,21%	2,18
III	Đầu tư dài hạn khác		20,50	396,35	-9,2		0,29
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	4,82	11,38%	0,29
2	Công ty CP Thủy hải sản Út Xi	6,78%	16,90	354,00	-14,02	-3,96%	
	TỔNG CỘNG		1.087,65	3.399,15	881,67		57,94

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Tỷ lệ % tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	17.699	13.309	-25%
Tài sản ngắn hạn	13.579	9.565	-30%
Tài sản dài hạn	4.120	3.744	-9%
TỔNG NGUỒN VỐN	17.699	13.309	-25%
NỢ PHẢI TRẢ	3.681	1.764	-52%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.017	11.545	-18%
▸ Vốn điều lệ	3.914	3.914	0%
TỔNG DOANH THU	19.013	14.038	-26%
TỔNG CHI PHÍ	12.410	13.349	8%
LÃI VAY	65	51	-22%
EBIT	6.668	739	-89%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	6.606	691	-90%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	5.585	530	-91%
▸ LNST cổ đông thiểu số	20	10	
▸ LNST công ty mẹ	5.565	519	

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,53	6,44
Hệ số thanh toán nhanh	3,24	5,16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	21%	13%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	26%	15%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,25	4,12
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,18	0,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	30,0%	3,9%
ROE	45,2%	4,1%
ROA	35,3%	3,4%
EPS	13.897	1.030

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 như đã được đánh giá, nhận định và trình bày ở phần trên, trên cơ sở nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng giám đốc PVFCCo đánh giá việc tổ chức thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ và linh hoạt, giúp Tổng công ty đạt kết quả SXKD năm 2023 đối với từng mảng lĩnh vực cụ thể như sau:



Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2023 Tổng công ty đã nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh, làm giảm thời gian dừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là **tổng tiêu hao năng lượng năm 2023 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm năng lượng tại khối sản xuất đạt khoảng 220 tỷ đồng**. Đặc biệt, đã có các biện pháp giúp nâng cao chất lượng sản phẩm NPK.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã đạt được mốc sản lượng sản xuất urê kế hoạch **800.000 tấn trước 13 ngày, sản lượng cả năm đạt 815.859 tấn, vượt 4% so với kế hoạch**. Tổ hợp dự án lớn "Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học" được vận hành, khai thác ổn định. Trong năm 2023, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp gần 2.300 tỷ đồng doanh thu, xấp xỉ 18% trong tổng doanh thu của Tổng công ty.



Thương hiệu và thị phần đạm Phú Mỹ được duy trì ổn định trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt, đồng thời, từng bước thực hiện mục tiêu phát triển thị trường nước ngoài, **trong năm Tổng công ty xuất khẩu 100 nghìn tấn urê Phú Mỹ**. Bên cạnh đó, là tạo được vị thế trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và tiếp tục phát triển mảng sản xuất, kinh doanh hóa chất. Tổng công ty đã linh hoạt, áp dụng các thay đổi, cải tiến trong chính sách vận chuyển, phân phối, chính sách bán hàng, tồn kho... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và mở rộng phân khúc khách hàng. Tổng công ty đã kinh doanh hiệu quả gần 1,3 triệu tấn phân bón (879 nghìn tấn đạm Phú Mỹ; 138 nghìn tấn NPK Phú Mỹ; 266 nghìn tấn phân bón khác) và trên 118 nghìn tấn hóa chất.



Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là 220 tỷ đồng.



Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.



Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, cứu nạn luôn được coi trọng và tăng cường tại các đơn vị, đặc biệt là trong các dịp lễ tết,... Kết quả, trong năm 2023 Tổng công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD (tiếp theo)

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và cần nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:



VỀ SẢN XUẤT

Nhà máy đạm Phú Mỹ sau nhiều năm vận hành liên tục ở công suất cao, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh, đã ảnh hưởng/có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định trong vận hành của toàn thể Nhà máy, nhiều hệ thống lỗi thời cần nâng cấp.



VỀ KINH DOANH

Việc kinh doanh trong ngành phân bón trở nên khó khăn hơn khi gặp phải nhiều thách thức, bao gồm giá cả không ổn định, tăng trưởng kinh tế chậm lại và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, do vậy công tác phân tích, dự báo thị trường cần được nâng cao để nắm bắt cơ hội, tối ưu hiệu quả kinh doanh.



VỀ TÁI CƠ CẤU

Công tác tái cơ cấu đạt kết quả bước đầu, tuy nhiên bộ máy, cơ cấu tổ chức vẫn còn cồng kềnh, chưa đạt kỳ vọng. Đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề án tái cấu trúc giai đoạn tiếp theo.



VỀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết như: VNPOLY, PVC Mekong, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được,... hoạt động của các công ty này tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.

PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất của PVFCCo tại ngày 31/12/2023 là 13.309 tỷ đồng, giảm 25% so với đầu năm (13.309/17.699). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo giảm 40% so với đầu năm (1.242/2.084 tỷ đồng) nguyên nhân chủ yếu do TCT thanh toán tiền cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (tỷ lệ 70% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 2.739 tỷ đồng).

Tình hình nợ phải trả

- ▶ Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 của PVFCCo là 1.764 tỷ đồng, giảm 52% so với đầu năm (1.764/3.681 tỷ đồng).
- ▶ Các chỉ số tổng nợ/tổng tài sản, tổng nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2022 và khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2023 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.
- ▶ Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 1.242 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.



Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là do lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 90% so với năm 2022 làm các chỉ tiêu ROE, ROA giảm theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch, lộ trình tái cơ cấu tổng thể giai đoạn 2021-2025, theo đó tiếp tục rà soát điều chỉnh, cập nhật chức năng nhiệm vụ các ban/đơn vị trong bộ máy tổ chức. Đẩy mạnh công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ, quản lý rủi ro, chính sách cải tiến hệ thống tiền lương và thúc đẩy lộ trình, kế hoạch chuyển đổi số tại Tổng công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban điều hành triển khai các kế hoạch phát triển theo định hướng chiến lược, kế hoạch SXKD trung hạn đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG, VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Chi tiết nội dung đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường, vấn đề người lao động và trách nhiệm đối với cộng đồng, Quý vị xem tại Chương 5 - Báo cáo Phát triển bền vững, trang 80 - 105